TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/DS-ST.
Ngày: 29-8- 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Thỏ

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST – DS ngày 26/4/2024 về tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXXST – DS ngày 05/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Út G**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Đại diện ủy quyền của bà G: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1996 (Có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024.

- Bị đơn: Ông **Trần Minh K** (Trần Văn M1) (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị C** (Cưỡng) (vắng mặt)

Tất cả cùng địa chỉ: khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Nguyên trước đây tôi có cho vợ chồng ông Trần Văn K1 và bà C mượn tiền, số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), do là chỗ quen biết nên không có làm giấy tờ, vợ chồng ông K1 và bà C hứa là vài tháng sẽ trả, mục đích là để chỉ tiêu trong gia đình, tuy nhiên sau đó vợ chồng ông K1 và bà C1 không trả tiền cho tôi, sau đó tôi có nhiều lần đến đòi tiền thì vào năm 2021 vợ chồng ông K1 và bà C có viết giấy tay "Biên nhận" thừa nhận còn nợ tôi 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), hứa sẽ bán đất trả lại tiền cho tôi, biên nhận có ông K1 và bà C ký tên vào. Tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông K1 và bà C đã bán đất nhưng

lại không chịu trả tiền cho tôi, tôi đã nhiều lần đến nhà đòi tiền nhưng vợ chồng ông K1 và bà C chỉ hứa hẹn chứ không thực hiện việc trả nợ.

Tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ, chồng ông ông Trần Văn K1 (Trần Văn M1) và bà Nguyễn Thị C2 có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền còn nợ là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay chị M đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Trần Minh K (Trần Văn M1) và bà Nguyễn Thị C2 liên đới trả cho bà Lê Thị Út G số tiền còn thiếu là 30.000.000 đồng

- Theo ý kiến trình bày của ông Trần Minh K tại biên bản lấy khai ngày 18/7/2024:

Tôi tên đúng là Trần Minh K chứ không phải tên Trần Văn K1 như nguyên đơn trình bày. Tôi có tên thường gọi là Trần Văn M2. Sau khi được Tòa án cho xem qua tờ giấy có nội dung là tôi có thiếu số tiền của bà G là 30.000.000 đồng thì tôi xác định đây là chữ viết, chữ ký của tôi biên nhận nợ mà Tòa án cung cấp là do tôi viết cho bà G và tôi và vợ tôi có ký tên vào biên nhận. Tiền vay này mục đích là để nuôi heo. Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có thiếu số tiền 30.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả nay vợ chồng tôi xin trả dần mỗi năm là 5.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ vào dịp tết nguyên đán. Do hiện nay vợ tôi bà C2 bị bệnh tai biến nằm liệt giường không nhớ gì hết nên tôi yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tôi do tôi bận nhiều việc không tham dự được, ở nhà để chăm sóc vợ tôi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà C2, ông K trả số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả nợ của nguyên đơn thì thấy rằng bị đơn ông Trần Minh K trong quá trình giải quyết vụ án có thừa nhận việc vay tiền của bà G và cũng đồng ý trả nợ cho bà G và xác định vợ chồng ông cùng vay tiền để nuôi heo đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc nguyên đơn yêu cầu ông K, bà C2 liên đới trả nợ là phù hợp có căn cứ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục**: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có đại diện ủy quyền tham dự, bị đơn bà C2 vắng mặt do bị bệnh không đi lại được,

ông K vắng mặt nhưng tại biên bản lấy khai ngày 18/7/2024 ông K có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà G, bà C2, ông K.

[2] **Về nội dung vụ án**:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Út G cho rằng trước đây có cho vợ chồng bà C2, ông K vay số tiền 30.000.000 đồng hứa vài tháng trả nhưng không trả bà có đòi nhiều lần thì đến năm 2021 vợ chồng ông K, bà C2 có ký giấy nhận nợ cho bà và hứa bán đất trả cho bà nhưng cũng không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông K, bà C2 liên đới trả cho bà G số tiền 30.000.000 đồng. Bị đơn ông Trần Minh K tại biên bản lấy khai ngày 18/7/2024 thừa nhận việc vợ chồng ông có thiếu tiền bà G 30.000.000 đồng và xin trả dần mỗi nam 5.000.000 đồng đến khi dứt số nợ này. Xét việc bị đơn ông K thừa nhận có vay tiền nguyên đơn và còn thiếu bà G số tiền 30.000.000 đồng như phía nguyên đơn yêu cầu là có xảy ra trên thực tế, việc thừa nhận của ông K đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc bà G yêu cầu trả nợ vay còn thiếu là có căn cứ chấp nhận.

Xét việc bà G yêu cầu ông Trần Minh K và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà G, thì thấy rằng phía bị đơn thừa nhận việc vay tiền bà G là vợ chồng vay nhằm mục đích là để nuôi heo và vợ chồng ông K, bà C đều có ký nhận nợ cho bà G. Vì vậy, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng thì việc bà G yêu cầu ông K, bà C có trách nhiệm liên đới trả số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Út G về việc yêu cầu ông Trần Minh K, bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ còn thiếu là 30.000.000 đồng. Buộc ông Trần Minh K, bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Út G số tiền nợ còn thiếu là 30.000.000 đồng

[3] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến là phù hợp với nhận định của HĐXX, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C, ông Trần Minh K cùng chịu 1.500.000 đồng (30.000.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Thị Út G được trả lại 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002616 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Út G về việc yêu cầu ông Trần Minh K và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ còn thiếu là 30.000.000 đồng.

Buộc ông Trần Minh K và bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Út G số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C, ông Trần Minh K cùng chịu 1.500.000 đồng tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Lê Thị Út G được trả lại 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002616 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh